

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hà Nội - Tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do chuyển trụ sở chính lên Hà Nội số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
	Bà Đỗ Kim Định	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Lương	Ủy viên
	Ông Trần Xuân Lưỡng	Ủy viên
	Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Đoàn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Văn Lương	Tổng Giám đốc
	Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Phát triển Hạ tầng (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc Phát triển nhà (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Ông Trần Ngọc Thăng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)
	Ông Hồ Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc Nội chính (bổ nhiệm ngày 22/7/2011)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ sự kiện trình bày tại Thuyết minh số 6.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phạm Văn Lương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Số: 235/2012/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Tasco

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tasco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26/03/2012 của Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.936.790.426.443	1.504.725.283.346
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	154.520.948.747	125.196.917.663
1. Tiền	111		21.316.948.747	60.998.417.663
2. Các khoản tương đương tiền	112		133.204.000.000	64.198.500.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	45.797.649.751	68.214.032.703
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46.024.490.521	68.214.032.703
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(226.840.770)	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.376.931.743.533	983.581.001.342
1. Phải thu khách hàng	131		746.956.418.143	275.098.755.657
2. Trả trước cho người bán	132		610.689.758.280	638.733.407.755
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	20.106.393.826	70.290.852.314
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(820.826.716)	(542.014.384)
IV- Hàng tồn kho	140		212.049.818.544	169.710.990.294
1. Hàng tồn kho	141	5.4	212.049.818.544	169.710.990.294
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		147.490.265.868	158.022.341.344
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.405.336	297.106.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		99.549.579.026	80.569.755.910
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	-	1.124.703.943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	47.834.281.506	76.030.775.144
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.485.546.158.772	1.673.807.776.138
II- Tài sản cố định	220		2.438.752.763.173	1.650.520.619.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	43.695.703.307	37.365.346.217
- Nguyên giá	222		69.817.043.962	61.347.018.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.121.340.655)	(23.981.672.239)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	8.379.128.825	6.146.963.482
- Nguyên giá	225		12.420.578.835	8.477.245.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.041.450.010)	(2.330.282.427)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	926.304.875	473.813.279
- Nguyên giá	228		1.480.018.488	824.332.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(553.713.613)	(350.518.809)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	2.385.751.626.166	1.606.534.496.562
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.646.462.173	18.406.543.633
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	23.806.462.173	11.226.543.633
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	6.840.000.000	7.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.146.933.426	4.880.612.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	15.807.933.426	4.116.497.998
3. Tài sản dài hạn khác	268		339.000.000	764.114.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.422.336.585.215	3.178.533.059.484

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.842.932.737.860	2.684.479.135.725
I- Nợ ngắn hạn	310		957.859.548.936	1.172.579.090.885
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	265.788.575.146	391.354.176.836
2. Phải trả người bán	312		77.697.118.000	66.709.241.183
3. Người mua trả tiền trước	313		320.837.243.758	169.867.252.147
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	22.950.567.516	7.094.917.100
5. Phải trả người lao động	315		6.760.082.839	3.436.353.588
6. Chi phí phải trả	316	5.16	60.882.280.207	33.097.593.617
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	202.651.211.150	500.044.176.311
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		292.470.320	975.380.103
II- Nợ dài hạn	330		2.885.073.188.924	1.511.900.044.840
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	971.594.010.954	420.138.750.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	1.913.239.163.487	1.090.835.686.820
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		240.014.483	240.014.483
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	685.593.537
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		528.545.024.162	460.531.296.421
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	528.545.024.162	460.531.296.421
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.257.032.987	72.292.032.987
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.182.697.924	6.201.950.511
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.610.011.398	2.579.683.293
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	34.825.326
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.519.281.853	29.446.804.304
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		50.858.823.193	33.522.627.338
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		4.422.336.585.215	3.178.533.059.484

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		2.103.739.050	2.103.739.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		420.531.850	459.575.032

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	1.534.764.254.010	845.209.783.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	48.934.752.428	7.153.941.243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	1.485.829.501.582	838.055.842.337
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	1.319.484.349.941	734.296.701.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		166.345.151.641	103.759.140.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	23.524.365.837	18.264.307.718
7. Chi phí tài chính	22	5.24	21.814.258.338	8.307.841.465
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.663.279.882</i>	<i>7.289.275.220</i>
8. Chi phí bán hàng	24		764.294.942	197.131.024
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.561.069.271	42.769.546.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		121.729.894.927	70.748.929.645
11. Thu nhập khác	31	5.25	4.660.883.194	32.706.291.861
12. Chi phí khác	32	5.25	2.714.242.015	17.187.447.539
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	1.946.641.179	15.518.844.322
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		2.011.212.173	(213.456.367)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		125.687.748.279	86.054.317.600
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	24.822.081.078	18.270.575.513
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		100.865.667.201	67.783.742.087
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		13.668.774.096	908.365.912
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		87.196.893.105	66.875.376.175
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	2.492	3.418

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	125.687.748.279	86.054.317.600
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.332.618.378	7.214.572.583
- Các khoản dự phòng	03	505.653.102	(32.289.210)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.341.527.663)	(37.113.371.912)
- Chi phí lãi vay	06	20.598.933.914	7.289.275.220
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	149.783.426.010	63.412.504.281
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(383.288.180.058)	(1.210.114.481.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(42.338.828.250)	(169.710.990.294)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	462.020.209.480	1.286.684.492.151
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.563.055.622)	(4.458.422.667)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.663.279.882)	(7.289.275.220)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.226.563.400)	(14.737.543.759)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.464.366.369	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.826.932.690)	(7.045.884.356)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	123.361.161.957	(63.259.601.600)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(796.961.542.979)	(1.144.547.083.212)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.935.039.025	8.379.553.344
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(546.641.286.122)	(41.964.032.703)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	537.975.878.304	10.573.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.440.000.000)	(25.603.532.980)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	5.330.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.639.262.234	12.573.086.435
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(753.992.649.538)	(1.175.259.009.116)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.930.532.987
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.643.537.436.578	1.594.072.086.399
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(955.991.566.619)	(646.477.013.121)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.270.266.900)	(2.807.161.939)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.320.084.400)	(27.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	659.955.518.665	1.196.718.444.326
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	50	29.324.031.084	(41.800.166.390)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	125.196.917.663	166.997.084.053
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	154.520.948.747	125.196.917.663

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do chuyển trụ sở chính lên Hà Nội số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	4.524.480	45.244.800.000	13%
Cổ đông khác	30.473.120	304.731.200.000	87%
Tổng	34.997.600	349.976.000.000	100%

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 33, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 199 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2011

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	05 - 09

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất là Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 20 Điện Biên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định. Quyền sử dụng đất được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ, chi phí in vé tại trạm thu phí được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là lãi trái phiếu trả trước với thời gian 1 năm kể từ ngày 12/5/2011 theo kết quả phát hành trái phiếu của Công ty.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thụ được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. .

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	1.607.520.294	1.773.314.340
Tiền gửi ngân hàng	18.908.325.453	56.725.103.323
Tiền đang chuyển	801.103.000	2.500.000.000
Các khoản tương đương tiền	133.204.000.000	64.198.500.000
Tổng	154.520.948.747	125.196.917.663

Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	43.949.219.751	40.864.032.703
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	12.000.000.000
Công ty CP Tasco 10	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	1.075.270.770	15.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(226.840.770)	-
Tổng	45.797.649.751	68.214.032.703

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	20.106.393.826	70.290.852.314
- Ban Quản lý Dự án huyện Từ Liêm	-	14.216.577.000
- Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Bình Lục	-	9.560.447.431
- Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Mỹ Lộc	6.257.337.550	32.004.941.900
- Ban QLDA tuyến đường BT Xuân Phương	1.703.288.192	-
Công ty CP Tasco 10	3.030.000.000	-
- Phải thu khác	9.115.768.084	14.508.885.983
Tổng	20.106.393.826	70.290.852.314

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	601.772.433	6.010.821.708
Công cụ, dụng cụ	25.759.854	523.170.046
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.422.286.257	163.176.998.540
Tổng	212.049.818.544	169.710.990.294

5.5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	734.304.443
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	390.399.500
Tổng	-	1.124.703.943

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	45.971.529.492	75.948.162.144
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.286.296.234	82.613.000
Tài sản ngắn hạn khác	576.455.780	-
Tổng	47.834.281.506	76.030.775.144

Số dư Tạm ứng tại 31/12/2011 của Công ty là giá trị tạm ứng của các đội thi công công trình trong Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2011	20.606.210.047	23.227.724.052	10.674.778.834	4.448.049.338	2.390.256.185	61.347.018.456
Tăng trong năm	-	2.390.549.928	5.581.689.454	9.887.065.756	-	17.859.305.138
Mua trong năm	-	969.236.364	5.358.962.181	2.411.010.522	-	8.739.209.067
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	81.486.800	-	4.324.698.182	-	4.406.184.982
Điều chuyển, phân loại lại	-	1.339.826.764	222.727.273	3.151.357.052	-	4.713.911.089
Giảm trong năm	4.199.196.759	2.454.217.815	504.575.455	42.618.180	2.188.671.423	9.389.279.632
Thanh lý, nhượng bán	439.596.611	2.252.633.053	504.575.455	42.618.180	-	3.239.423.299
Điều chuyển, phân loại lại	3.759.600.148	201.584.762	-	-	2.188.671.423	6.149.856.333
Số dư tại 31/12/2011	16.407.013.288	23.164.056.165	15.751.892.833	14.292.496.914	201.584.762	69.817.043.962
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2011	4.779.424.604	14.398.444.850	2.945.828.186	1.835.123.104	22.851.495	23.981.672.239
Tăng trong năm	1.600.900.423	2.327.421.431	2.367.131.845	2.056.729.567	66.072.725	8.418.255.991
Khấu hao trong năm	1.600.900.423	2.327.421.431	2.367.131.845	2.056.729.567	66.072.725	8.418.255.991
Giảm trong năm	334.885.474	5.712.465.782	227.921.572	3.314.747	-	6.278.587.575
Thanh lý, nhượng bán	93.445.279	2.138.704.877	227.921.572	3.314.747	-	2.463.386.475
Điều chuyển, phân loại lại	241.440.195	3.573.760.905	-	-	-	3.815.201.100
Số dư tại 31/12/2011	6.045.439.553	11.013.400.499	5.085.038.459	3.888.537.924	88.924.220	26.121.340.655
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	15.826.785.443	8.829.279.202	7.728.950.648	2.612.926.234	2.367.404.690	37.365.346.217
Tại 31/12/2011	10.361.573.735	12.150.655.666	10.666.854.374	10.403.958.990	112.660.542	43.695.703.307

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2011	4.887.410.389	2.525.399.156	1.064.436.364	8.477.245.909
Tăng trong năm	-	5.007.769.290	-	5.007.769.290
Thuê trong năm	-	3.943.332.926	-	3.943.332.926
Phân loại lại		1.064.436.364		1.064.436.364
Giảm trong năm	-	-	1.064.436.364	1.064.436.364
Phân loại lại			1.064.436.364	1.064.436.364
Số dư tại 31/12/2011	4.887.410.389	7.533.168.446	-	12.420.578.835
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2011	970.619.753	1.306.440.856	53.221.818	2.330.282.427
Tăng trong năm	764.285.516	1.000.103.885	-	1.764.389.401
Khấu hao trong năm	764.285.516	946.882.067	-	1.711.167.583
Phân loại lại		53.221.818		53.221.818
Giảm trong năm	-	-	53.221.818	53.221.818
Phân loại lại	-	-	53.221.818	53.221.818
Số dư tại 31/12/2011	1.734.905.269	2.306.544.741	-	4.041.450.010
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2011	3.916.790.636	1.218.958.300	1.011.214.546	6.146.963.482
Tại 31/12/2011	3.152.505.120	5.226.623.705	-	8.379.128.825

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2011	202.570.451	498.761.637	123.000.000	824.332.088
Tăng trong năm	-	655.686.400	-	655.686.400
Mua trong năm	-	249.695.400	-	249.695.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	405.991.000	-	405.991.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	202.570.451	1.154.448.037	123.000.000	1.480.018.488
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2011	51.566.208	295.877.601	3.075.000	350.518.809
Tăng trong năm	6.721.945	184.172.859	12.300.000	203.194.804
Khấu hao trong năm	6.721.945	184.172.859	12.300.000	203.194.804
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	58.288.153	480.050.460	15.375.000	553.713.613
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2011	151.004.243	202.884.036	119.925.000	473.813.279
Tại 31/12/2011	144.282.298	674.397.577	107.625.000	926.304.875

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.606.534.496.562	488.825.672.029
Tăng	1.410.138.913.893	1.120.549.308.875
Giảm trong năm		
- Kết chuyển tài sản cố định	4.812.175.982	2.840.484.342
- Kết chuyển chi phí dự án	626.109.608.307	-
Tại ngày 31 tháng 12	2.385.751.626.166	1.606.534.496.562

Chi tiết công trình

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự án khu Pháp Vân	19.380.541.755	5.736.216.873
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	304.321.375.787	242.526.842.644
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	356.689.728.226	233.469.963.798
Dự án đầu tư BT Quốc lộ 21	582.046.154.592	109.201.993.010
Dự án Xuân Phương	-	-
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.678.542.226	8.397.680.138
- Dự án Đơn vị ở số 2	94.122.732.146	31.341.719.375
- Dự án Đơn vị ở số 3	345.362.653.651	309.019.971.762
Đường Lê Đức Thọ	303.955.583.184	196.782.751.062
Dự án Đường tỉnh lộ 39	-	35.705.560.694
Dự án rác thải	1.848.690.817	1.848.690.817
Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	361.625.392.677	424.658.134.873
Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.268.708.973	635.554.374
Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ	366.136.684	4.786.786.408
Dự án BT Sông Om	1.482.526.254	-
Trụ sở VP, khu tập thể CBCNV Nam Thái	2.802.945.785	-
Các dự án khác	183.713.787	806.431.112
Tổng	2.385.751.626.166	1.606.534.496.562

5.11 Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	13.937.851.832	180.000	1.891.452.666
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.780.877.946	180.000	1.801.462.631
3. Công ty CP Tasco 10	-	0	353.000	3.310.882.207
4. Công ty CP Tasco 3	-	0	66.000	715.105.190
5. Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.265.783.526	224.000	2.381.324.629
6. Công ty CP ĐT & XD Trường Giang	289.793	2.897.933.445	36.000	54.023.886
7. Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.053.182.887	105.000	1.072.292.423
8. Công ty CP D.Tech	187.083	1.870.832.537	-	-
Tổng	2.370.877	23.806.462.173	1.144.000	11.226.543.633

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.11 Đầu tư vào Công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Bất động sản Thái An	Hà Nội	200.000	30,00%	Xây lắp
2	Công ty CP Tasco Thăng Long	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
3	Công ty CP Tasco Trường Phát	Nam Định	7.790	28,75%	Xây lắp
4	Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
5	Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	Nam Định	5.000	21,00%	Xây lắp
6	Công ty CP D.Tech	Hà Nội	10.000	20,00%	Xây lắp

5.12 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Công ty CP Tasco Du lịch	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Cty CP Công nghệ Môi trường Xanh SERAPHIN	-	-	100.000	1.000.000.000
3. Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
4. Công ty CP Xây dựng cầu TASCO	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
5. Công ty Cổ phần TIC	133.000	1.330.000.000	133.000	1.330.000.000
6. Công ty CP Tasco 3	66.000	660.000.000	-	-
Tổng	684.000	6.840.000.000	718.000	7.180.000.000

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.116.497.998
Tăng	37.842.094.280
Phân bổ vào chi phí trong năm	26.150.658.852
Tại ngày 31 tháng 12	15.807.933.426

Chi tiết chi phí

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí in vé Trạm thu phí Tân Đệ	193.019.824	76.090.228
Chi phí in vé Trạm thu phí Mỹ Lộc	143.024.366	90.988.660
Lãi trái phiếu trả trước	12.562.271.917	-
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	2.489.162.766	3.506.237.289
Trả trước tiền thuê phòng thí nghiệm 20 năm	420.454.553	443.181.821
Tổng	15.807.933.426	4.116.497.998

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.14 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	263.325.024.210	383.252.054.133
- NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	104.604.658.216	82.810.588.870
- NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	55.872.029.538	67.752.824.001
- NH TMCP An Bình - CN Hà Nội	69.067.617.812	77.823.641.262
- NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	22.686.006.312	11.515.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình (*)	3.556.874.476	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Nam Định (*)	990.337.856	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh (*)	1.012.500.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình	980.000.000	-
- Vay đối tượng khác	4.555.000.000	143.350.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.463.550.936	8.102.122.703
Tổng	265.788.575.146	391.354.176.836

Trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định các khoản vay theo Công văn số 1456/TB-QHKH2 ngày 05/07/2011 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, mức dư nợ ngắn hạn tối đa là 153.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn không quá một năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/07/2011, mức dư nợ tối đa là 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và các hình thức khác theo yêu cầu của ngân hàng.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (ABBANK) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 45.11/HĐHM/II.20 ngày 13/07/2011, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ABBANK, điều chỉnh 3 tháng/lần, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long theo Văn bản phê duyệt số 1187a/2011/PD-HĐTDCC ngày 29 tháng 09 năm 2011 của Hội đồng tín dụng cấp cao Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/1 lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.14 Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình: Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 159.11.011.535265.HMTD ngày 10/10/2011, mức dư nợ tối đa là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/09/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 9 tháng/khế ước, lãi suất cho vay xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

(*): Đây là các khoản vay ngắn hạn để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền - Huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình” (Dự án BT39) : Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 12 tháng (vay ngắn hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 1.300.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 800.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 200.000.000.000 đồng).

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.455.632.263	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.562.673.141	6.967.155.463
Thuế thu nhập cá nhân	1.870.629.198	127.761.637
Các loại thuế khác	61.632.914	-
Tổng	22.950.567.516	7.094.917.100

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn dịch vụ thu phí đường bộ	35.784.306.096	26.302.976.181
Trích trước chi phí giá vốn Khu đô thị Xuân Phương	9.031.299.392	5.124.276.211
Trích trước giá vốn Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - LK 26, LK 22	5.117.717.915	
Trích trước giá vốn Dự án BT 39	8.129.770.412	
Chi phí phải trả khác	2.819.186.392	1.670.341.225
Tổng	60.882.280.207	33.097.593.617

Năm 2011, Công ty trích trước chi phí khi tính thu nhập chịu thuế TNDN của 2 Trạm thu phí Tân Đề và Mỹ Lộc theo Công văn số 18169/BTC-CST ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.17 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.227.996.328	563.057.183
Bảo hiểm xã hội	227.739.756	31.680.175
Bảo hiểm y tế	-	5.129.974
Bảo hiểm thất nghiệp	15.238.110	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	201.180.236.956	499.444.308.979
- <i>Đội thi công công trình đầu tư XD cơ bản dở dang</i>	<i>20.600.317.783</i>	<i>27.416.694.848</i>
- <i>Đội thi công công trình chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	<i>129.568.624.347</i>	<i>78.323.071.091</i>
- <i>Tiền góp vốn các dự án</i>	-	<i>370.085.358.000</i>
- <i>Các khoản khác</i>	<i>51.011.294.826</i>	<i>23.619.185.040</i>
Tổng	202.651.211.150	500.044.176.311

5.18 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bắc Phương	150 000 000 000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	459.475.300.000	420.138.750.000
Phải trả dài hạn khác	362.118.710.954	-
Tổng	971.594.010.954	420.138.750.000

Trong đó:

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Bắc Phương góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT - TASCO ngày 20/01/2011 giữa Công ty Cổ phần Bắc Phương và Công ty Cổ phần Tasco về việc Hợp tác để đầu tư thứ phát Dự án Vân Canh và Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại Khu đô thị mới Pháp Vân - Hoàng Mai - Hà Nội. Số tiền hợp tác đầu tư 150 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ góp vốn tạm tính là 30%.

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT). Tổng mức đầu tư tạm tính là 1.349 tỷ đồng. Tỷ lệ giá trị đầu tư là Công ty Cổ phần Tasco chiếm 70%, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt 30%. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt là nhà đầu tư thứ phát của Công ty Cổ phần Tasco tại tuyến đường này với giá trị 195 tỷ đồng.

Phải trả dài hạn góp vốn thực hiện dự án khác gồm các hợp đồng của cá nhân góp vốn với Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện các dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.19 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	1.734.179.454.922	887.695.200.286
Vay ngân hàng	1.642.209.154.922	887.204.900.286
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	752.522.853.772	416.420.173.218
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Hà Nội	22.817.406.409	16.546.780.182
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	403.593.000.000	302.971.111.111
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	147.637.734.230	147.637.734.230
- Sở Giao dịch I		
- Ngân hàng TM Cổ phần Á Châu	187.400.000	312.440.000
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	1.370.200.000	479.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	203.000.000	320.600.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN	2.040.888.891	1.967.888.889
- CN Nam Định		
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN	92.729.220	178.618.656
- PGD Xuân La		
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN Linh Đàm	133.330.000	370.554.000
- Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình (*)	204.792.593.400	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	54.000.000.000	-
- CN Bắc Ninh (*)		
- Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam	52.818.019.000	-
- CN Nam Định (*)		
Vay đối tượng khác	91.970.300.000	490.300.000
Trái phiếu phát hành	175.005.000.000	200.000.000.000
Nợ dài hạn	4.054.708.565	3.140.486.534
Thuê tài chính	4.054.708.565	3.140.486.534
Tổng	1.913.239.163.487	1.090.835.686.820

Trong đó:

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9 năm 2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.
- Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

5.19 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội:

- *Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời gian trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay : ” Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình”, lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, trong đó ghi: sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.*
- *Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.*
- *Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTH ngày 25/06/2010, số tiền vay 74.396.000.000 đồng (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 46 tháng, thời gian ân hạn 22 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên nhưng tối đa không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ (điểm cuối giao với đường 70) theo hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 68/HĐBT giữa UBND Huyện Từ Liêm và Công ty Cổ phần Tasco. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/1lần, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm nhận nợ vay là 14%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo theo thông báo lãi suất trung dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội tại thời điểm điều chỉnh.*

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I theo hợp đồng số 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI, số tiền vay tạm tính 364.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,35%.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- *Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1lần chi tiết theo các khoản giải ngân.*
- *Khoản vay dài hạn thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Phủ Lý-Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BT”: Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2010 HĐTD ngày 17/12/2010 ký giữa Ngân hàng ĐT & PTVN - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội - Sở GD I và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco (doanh nghiệp dự án): Khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 2.592.000.000.000 đồng (theo tỷ lệ Ngân hàng đầu tư và phát triển VN Chi nhánh Nam Định: 1.944.000.000.000 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội: 648.000.000.000 đồng). Thời hạn vay phù hợp với tiến độ triển khai của dự án với điều kiện: Thời gian giải ngân tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và thời gian cho vay thu nợ đối với mỗi khoản vay tối đa là 18 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.*

5.19 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

(*): Đây là các khoản vay dài hạn thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình”: Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 54 tháng (vay trung hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 500.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 100.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 100.000.000.000 đồng).

Trái phiếu phát hành: Số lượng 175.005 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích: Đầu tư vào các Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 - Khu đô thị mới Xuân Phương; Dự án khu nhà ở Bảo Nhân dân và Văn phòng Trung ương Đảng và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	135.000.000.000	8.337.500.000	3.871.948.342	2.022.627.163	-	701.368.506	149.933.444.011
Tăng trong năm	214.976.000.000	63.954.532.987	2.330.002.169	557.056.130	34.825.326	66.875.376.175	348.727.792.787
Tăng vốn	214.976.000.000	63.954.532.987	-	-	34.825.326	-	278.965.358.313
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.330.002.169	557.056.130	-	-	2.887.058.299
Lãi	-	-	-	-	-	66.875.376.175	66.875.376.175
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	38.129.940.377	38.129.940.377
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	38.129.940.377	38.129.940.377
Số dư tại 31/12/2010	349.976.000.000	72.292.032.987	6.201.950.511	2.579.683.293	34.825.326	29.446.804.304	460.531.296.421
Số dư tại 01/01/2011	349.976.000.000	72.292.032.987	6.201.950.511	2.579.683.293	34.825.326	29.446.804.304	460.531.296.421
Tăng trong năm	-	-	12.980.747.413	4.030.328.105	-	87.196.893.105	104.207.968.623
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.980.747.413	4.030.328.105	-	-	17.011.075.518
Lãi	-	-	-	-	-	87.196.893.105	87.196.893.105
Giảm trong năm	-	35.000.000	-	-	34.825.326	36.124.415.556	36.194.240.882
Giảm vốn	-	35.000.000	-	-	-	-	35.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	36.124.415.556	36.124.415.556
Phân loại lại	-	-	-	-	34.825.326	-	34.825.326
Số dư tại 31/12/2011	349.976.000.000	72.257.032.987	19.182.697.924	6.610.011.398	-	80.519.281.853	528.545.024.162

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	45.244.800.000	45.244.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Tổng	349.976.000.000	349.976.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	349.976.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	214.976.000.000
Vốn góp tại cuối năm	349.976.000.000	349.976.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.498.320.000	27.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	21.497.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	21.497.600
Cổ phiếu phổ thông	-	21.497.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.997.600	34.997.600
Cổ phiếu phổ thông	34.997.600	34.997.600

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu***5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	84.952.992.167	77.247.229.344
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.095.305.438	61.883.086.442
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.103.166.869.157	650.787.620.339
Doanh thu Bất động sản	276.549.087.248	55.291.847.455
Tổng	1.534.764.254.010	845.209.783.580
Các khoản giảm trừ doanh thu	48.934.752.428	7.153.941.243
Giảm giá hàng bán	9.951.053.613	7.153.941.243
Hàng bán bị trả lại	38.983.698.815	-
Doanh thu thuần	1.485.829.501.582	838.055.842.337

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.646.515.238	49.098.560.813
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.737.708.258	40.310.703.578
Giá vốn của hoạt động xây dựng	1.006.196.740.439	614.097.134.133
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	191.903.386.006	30.790.303.116
Tổng	1.319.484.349.941	734.296.701.640

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.645.091.986	17.480.397.576
Cổ tức, lợi nhuận được chia	837.860.000	723.687.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.413.851	60.223.142
Tổng	23.524.365.837	18.264.307.718

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.663.279.882	7.289.275.220
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.150.978.456	1.018.566.245
Tổng	21.814.258.338	8.307.841.465

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.793.387.879	8.379.553.344
Đánh giá lại tài sản góp vốn	-	13.530.000.000
Thu nhập khác	2.867.495.315	10.796.738.517
Tổng	4.660.883.194	32.706.291.861
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	776.036.824	7.102.679.391
Chi phí khác	1.938.205.191	10.084.768.148
Tổng	2.714.242.015	17.187.447.539
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	1.946.641.179	15.518.844.322

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
CÔNG TY MẸ		
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	82.729.826.758	90.229.805.786
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.782.610.000	2.318.200.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.766.373.713	200.658.192
Thu nhập chịu thuế	82.713.590.471	88.112.263.978
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động thu phí đường bộ	24.026.214.926	22.871.656.206
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.675.120.752	16.310.151.943
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	20.678.397.617	22.028.065.995
Miễn giảm của hoạt động thu phí đường bộ	(3.003.276.865)	(5.717.914.052)
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.675.120.752	16.310.151.943
CÔNG TY CON		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.512.068.679	7.151.843.658
Trong đó: lỗ của các Công ty con	(1.972.399.938)	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	49.570.120	880.000
Tổng thu nhập chịu thuế	53.534.038.737	7.152.723.658
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.383.509.684	1.992.628.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(6.236.549.358)	(32.204.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.146.960.326	1.960.423.570
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp	24.822.081.078	18.270.575.513

Thu nhập chịu thuế của hoạt động thu phí đường bộ: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ năm 2009 và giảm 50% cho 03 năm tiếp theo theo Công văn số 3429/BTC-CST ngày 19/3/2010 của Bộ Tài chính.

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	100.865.667.201	67.783.742.087
Lợi ích của cổ đông thiểu số	13.668.774.096	908.365.912
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	87.196.893.105	66.875.376.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	34.997.600	19.566.446
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.492	3.418

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	394.119.783.116	304.403.505.994
Chi phí nhân công	95.553.416.719	120.825.659.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.332.618.378	7.214.572.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	524.378.470.777	469.494.653.261
Chi phí khác bằng tiền	264.590.808.788	349.195.090.656
Tổng	1.288.975.097.778	1.251.133.481.528

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Bà Đỗ Kim Định	Phó Chủ tịch	Cho Công ty vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Phạm Văn Lương	Ủy viên	Cho Công ty vay	3.600.000.000	3.600.000.000
Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên	Cho Công ty vay	3.500.000.000	3.500.000.000
Bà Trần Thị Thanh Tân	Phó TGĐ	Cho Công ty vay	3.500.000.000	3.500.000.000
			Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Lương và thù lao	3.152.110.335	3.394.585.523

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	52.007.737.959	22.580.905.240
Công ty CP Tasco Trường Phát	Công ty liên kết	28.669.488.262	-
Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	Công ty liên kết	2.253.280.409	-
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	114.755.499.556	56.003.286.661

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	12.000.000.000
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	131.486.800.000	60.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	34.461.126.697
Công ty CP Tasco Trường Phát	8.913.334.739	13.243.851.848
Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	20.485.418.417	29.133.459.953
2. Các khoản phải trả		
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	5.160.937.000	-

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 17/03/2012, Công ty Cổ phần Tasco thông báo bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự cấp cao như sau:

Ông Vũ Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư (bổ nhiệm theo Quyết định số 51/QĐ-TASCO)
Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Thầu Xây dựng (bổ nhiệm theo Quyết định số 52/QĐ-TASCO)
Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Phát triển Hạ tầng (miễn nhiệm theo Quyết định số 55/QĐ-TASCO)
Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc Phát triển nhà (miễn nhiệm theo Quyết định số 57/QĐ-TASCO)
Ông Trần Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (miễn nhiệm theo Quyết định số 58/QĐ-TASCO)

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
------------------	-----------------------	----------------------

Lê Thị Ngọc**Phạm Thị Nhân****Phạm Văn Lương**